

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định đánh giá công tác học sinh, sinh viên
các khoa đào tạo của Trường Đại học Hà Tĩnh**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH

Căn cứ Điều lệ trường đại học ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg, ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hà Tĩnh ban hành kèm theo Quyết định số 1328/QĐ-TĐHHT, ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Tĩnh;

Căn cứ Quy chế công tác học sinh, sinh viên ban hành theo Quyết định số 42/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 13 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy định đánh giá công tác học sinh, sinh viên của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp ban hành theo Thông tư số 39/2010/BGDĐT, ngày 23 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Công tác học sinh, sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định đánh giá công tác học sinh, sinh viên các khoa đào tạo của Trường Đại học Hà Tĩnh”.

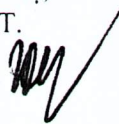
Điều 2. “Quy định đánh giá công tác học sinh, sinh viên các khoa đào tạo của Trường Đại học Hà Tĩnh” này thực hiện từ năm học 2016-2017.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Các Khoa đào tạo, Phòng Công tác học sinh sinh viên, các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng;
- Các đơn vị;
- Lưu: VT.



PGS.TS. Nguyễn Đình Thọ

QUY ĐỊNH

Về đánh giá công tác học sinh, sinh viên các khoa đào tạo của Trường Đại học Hà Tĩnh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 108 /QĐ-ĐHHT ngày 24 tháng 6 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Tĩnh)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về đánh giá công tác học sinh, sinh viên (viết tắt là HSSV) bao gồm: quy định chung; các tiêu chuẩn đánh giá công tác HSSV; tự đánh giá, xếp loại công tác HSSV; trách nhiệm của các đơn vị.
2. Quy định này áp dụng đối với các khoa đào tạo thuộc Trường Đại học Hà Tĩnh.

Điều 2. Mục đích tự đánh giá, xếp loại công tác HSSV

1. Đảm bảo sự thống nhất trong đánh giá công tác HSSV; từng bước chuẩn hóa công tác HSSV, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và hiệu quả đào tạo.
2. Căn cứ để các khoa xây dựng chương trình, kế hoạch, củng cố, hoàn thiện và tăng cường công tác HSSV sau mỗi năm học.
3. Thực hiện chế độ báo cáo với Nhà trường để được chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ và các điều kiện thiết yếu đối với công tác HSSV.

Điều 3. Yêu cầu tự đánh giá, xếp loại công tác HSSV

1. Đảm bảo khách quan, toàn diện, khoa học, kết luận đúng và chính xác thực trạng công tác HSSV của các khoa.
2. Việc tự đánh giá, xếp loại công tác HSSV của các khoa phải căn cứ vào các minh chứng (tài liệu, tư liệu, sự vật, sự việc...) hiện có để xác nhận mức độ đạt được.
3. Giúp Hiệu trưởng nắm được toàn diện về công tác HSSV của Nhà trường để lập kế hoạch, chương trình và chỉ đạo kịp thời, chính xác.
4. Cung cấp đầy đủ, chính xác các số liệu để Nhà trường làm tư liệu, căn cứ, thu thập hồ sơ minh chứng trong việc đánh giá công tác HSSV cấp trường.

Chương II CÁC TIÊU CHUẨN VÀ MỨC ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC HSSV

Điều 4. Tiêu chuẩn 1: Hệ thống tổ chức, quản lý và công tác hành chính (tối đa 10 điểm)

Tiêu chí 1.1 (2 điểm): Có hệ thống tổ chức, quản lý và phân công nhiệm vụ cụ thể để thực hiện tốt công tác HSSV của khoa gồm: Trưởng hoặc Phó

Trưởng khoa phụ trách, Trợ lý quản lý HSSV, Ban cán sự lớp (*thiếu 1 nội dung trừ 1 điểm*).

Tiêu chí 1.2 (3 điểm): Lập sổ ghi chép và lưu trữ các văn bản, hồ sơ về công tác HSSV theo quy định của Nhà trường đầy đủ, khoa học; ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác quản lý hồ sơ HSSV (*thiếu 1 loại hồ sơ trừ 1 điểm; hồ sơ không đầy đủ trừ 0,5 điểm/loại*).

Tiêu chí 1.3 (2 điểm): Trợ lý quản lý HSSV có phẩm chất đạo đức, nhiệt tình, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao (*không có bản nhận xét trừ 1 điểm*); tham dự các cuộc họp đầy đủ, đúng giờ (*vắng họp trừ 1 điểm/lần, chậm quá 15 phút trừ 0,5 điểm/lần*).

Tiêu chí 1.4 (3 điểm): Các công việc hành chính có liên quan đến HSSV được giải quyết kịp thời, đúng quy định; thống kê, báo cáo đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn (*không thực hiện trừ 1 điểm/lần; thực hiện chậm trừ 0,5 điểm/lần*).

Điều 5. Tiêu chuẩn 2: Công tác quản lý HSSV (tối đa 12 điểm)

Tiêu chí 2.1 (4 điểm): Duy trì họp giao ban hàng tháng giữa Khoa và Lớp trưởng các lớp HSSV và có biên bản lưu trữ tại khoa (*không tổ chức trừ 1 điểm/lần*).

Tiêu chí 2.2 (4 điểm): Thực hiện quy định sinh hoạt lớp hành chính HSSV hàng tháng và có phân công cán bộ của khoa cùng tham dự (*Lớp không sinh hoạt trừ 1 điểm/lớp/lần*).

Tiêu chí 2.3 (4 điểm): Thực hiện việc kiểm tra, quản lý HSSV, Lưu học sinh Lào nội trú, ngoại trú và báo cáo tình hình theo Quy định của Nhà trường (*không kiểm tra, báo cáo trừ 1 điểm/lần*).

Điều 6. Tiêu chuẩn 3: Công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV (tối đa 12 điểm)

Tiêu chí 3.1 (2 điểm): Tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị, các buổi sinh hoạt ngoại khóa theo yêu cầu và hướng dẫn của Nhà trường (*không tổ chức trừ 1 điểm/lần; lớp không thực hiện trừ 1 điểm/lớp; HSSV không tham gia trừ 1 điểm/1% HSSV*).

Tiêu chí 3.2 (3 điểm): HSSV làm bài thu hoạch “Tuần sinh hoạt công dân – HSSV” đầy đủ, đúng thời gian quy định và đạt yêu cầu (*không tham gia hoặc không làm bài thu hoạch trừ 1 điểm/1% HSSV*).

Tiêu chí 3.3 (3 điểm): HSSV có thể sinh viên đầy đủ và sử dụng đúng quy định (*nếu vi phạm trừ 1 điểm/1HSSV vi phạm*); HSSV thực hiện tốt nền nếp học tập, rèn luyện, nếp sống văn hóa (*nếu vi phạm trừ 0,1 điểm/1 HSSV vi phạm*).

Tiêu chí 3.4 (4 điểm): Thực hiện việc đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV theo đúng quy trình, có đầy đủ hồ sơ theo quy định, tỷ lệ các loại đánh giá phản ánh đúng kết quả hoạt động của lớp, của khoa (*thực hiện không đúng quy trình, quy định hoặc để xảy ra sai sót, khiếu kiện trừ 1 điểm/lần*).

Điều 7. Tiêu chuẩn 4: Thực hiện chế độ, chính sách và công tác y tế trường học đối với HSSV (tối đa 10 điểm)

Tiêu chí 4.1 (3 điểm): Phổ biến và hướng dẫn thực hiện đầy đủ, chính xác, kịp thời các chế độ, chính sách đối với HSSV (*không phổ biến trừ 1 điểm/lần; thực hiện chậm trừ 1 điểm/lần; để xảy ra sai sót, khiếu kiện trừ 1 điểm/lần*).

Tiêu chí 4.2 (3 điểm): Thực hiện các chế độ chính sách: xét học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ, trợ cấp xã hội, hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm học phí... cho HSSV theo đúng đối tượng, đúng chế độ chính sách, đúng thời gian (*thực hiện chậm trừ 1 điểm/1 loại chế độ; để xảy ra sai sót, khiếu kiện trừ 1 điểm/lần*).

Tiêu chí 4.3 (2 điểm): HSSV thực hiện nghĩa vụ đóng bảo hiểm y tế hàng năm (*HSSV không tham gia BHYT trừ 0,1 điểm/1HSSV*).

Tiêu chí 4.4 (2 điểm): HSSV khám sức khỏe định kỳ theo kế hoạch của Nhà trường (*HSSV không khám sức khỏe theo quy định trừ 0,5 điểm/1 HSSV*).

Điều 8. Tiêu chuẩn 5: Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT và phong trào HSSV (tối đa 10 điểm)

Tiêu chí 5.1 (3 điểm): Mỗi năm tổ chức ít nhất 01 hoạt động văn hóa, văn nghệ cấp khoa; (*không tổ chức trừ 1 điểm/lần*).

Tiêu chí 5.2 (2 điểm): Thành lập đội tuyển của khoa tham gia Hội thi văn hóa, văn nghệ cấp Trường hoặc tham gia biểu diễn, giao lưu với các cơ quan, đơn vị khác ngoài trường (*không tham gia trừ 1 điểm/lần*).

Tiêu chí 5.3 (3 điểm): Mỗi năm tổ chức ít nhất 01 giải thể thao HSSV cấp khoa (*không tổ chức trừ 1 điểm /lần*).

Tiêu chí 5.4 (2 điểm): Thành lập đội tuyển tham gia các giải thể thao cấp trường hoặc tham gia giao lưu, thi đấu với các cơ quan, đơn vị ngoài trường (*không tham gia trừ 1 điểm/lần*).

Điều 9. Tiêu chuẩn 6: Công tác bảo đảm ANTT, ATGT, phòng chống tội phạm và TNXH (tối đa 12 điểm)

Tiêu chí 6.1 (4 điểm): Thực hiện tốt công tác đảm bảo ANTT, ATGT, phòng chống tội phạm và TNXH theo sự chỉ đạo và kế hoạch của Nhà trường (*không thực hiện trừ 1 điểm/lần*).

Tiêu chí 6.2 (4 điểm): Tham gia đầy đủ các chương trình tổ chức giáo dục pháp luật, giáo dục an toàn giao thông, phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội cho HSSV do Nhà trường tổ chức (*không tham gia trừ 1 điểm/lần*).

Tiêu chí 6.3 (4 điểm): Tổ chức để HSSV ký cam kết không vi phạm pháp luật về ATGT, phòng chống tội phạm và TNXH (*tổ chức chậm trừ 1 điểm; HSSV không cam kết trừ 0,25 điểm/HSSV*).

Điều 10. Tiêu chuẩn 7: Công tác hướng nghiệp, tư vấn việc làm và các hoạt động hỗ trợ, dịch vụ đối với HSSV (tối đa 10 điểm)

Tiêu chí 7.1 (3 điểm): Tham gia đầy đủ các chương trình của Nhà trường tổ chức hướng nghiệp, tư vấn việc làm cho HSSV. Phối hợp với các cơ quan,

đơn vị sử dụng lao động để tổ chức các hoạt động giao lưu, tư vấn, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho HSSV (*không tham gia trừ 1 điểm/lần*).

Tiêu chí 7.2 (3 điểm): Xây dựng kế hoạch, lập danh sách và tổ chức hoạt động cụ thể để giúp đỡ những HSSV có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Phối hợp với các cơ quan, doanh nghiệp, cá nhân để khai thác các nguồn học bổng tài trợ và các hình thức hỗ trợ khác cho HSSV (*Không có chương trình hỗ trợ HSSV trừ 2 điểm*).

Tiêu chí 7.3 (4 điểm): Lập hồ sơ theo dõi tình hình việc làm của HSSV sau khi tốt nghiệp (*không theo dõi trừ 3 điểm; theo dõi đạt mức dưới 50% trừ 2 điểm*).

Điều 11. Tiêu chuẩn 8: Công tác thi đua, khen thưởng đối với HSSV (tối đa 12 điểm)

Tiêu chí 8.1 (4 điểm): Tổ chức đăng ký thi đua và triển khai các phong trào thi đua đối với tập thể, cá nhân HSSV; có quy định đánh giá thi đua giữa các lớp HSSV và xếp loại sau mỗi học kỳ, năm học (*không có quy định trừ 1 điểm; không đánh giá, xếp loại trừ 1 điểm/lần*).

Tiêu chí 8.2 (4 điểm): Tập thể, cá nhân HSSV được tặng giấy khen, bằng khen cấp phường, xã trở lên vì có thành tích trong các hoạt động ngoại trú: cộng 1 điểm/tập thể; cộng 0,5 điểm/cá nhân. HSSV được Hiệu trưởng Nhà trường khen thưởng vì có thành tích đặc biệt trong công tác HSSV: cộng 1 điểm/HSSV.

Tiêu chí 8.3 (4 điểm): Tham gia các hoạt động do Đoàn trường tổ chức và được BCH Đoàn trường xếp loại thi đua của LCD trong năm học: *Loại xuất sắc: cộng 4,0 điểm; Loại tốt: cộng 3,0 điểm; Loại khá: cộng 2,0 điểm; Loại trung bình: cộng 1,0 điểm.*

Điều 12. Tiêu chuẩn 9: Công tác xử lý vi phạm kỷ luật đối với HSSV (tối đa 12 điểm)

Tiêu chí 9.1 (3 điểm): Tập thể, cá nhân HSSV chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Pháp luật và các nội quy, quy định về học tập, rèn luyện, sinh hoạt (*nếu vi phạm bị kỷ luật có quyết định của Nhà trường: đối với tập thể trừ 1 điểm/1 tập thể; đối với cá nhân: trừ 0,5 điểm/1 HSSV*).

Tiêu chí 9.2 (3 điểm): HSSV thực hiện nghiêm túc sự điều động của Nhà trường (*không thực hiện trừ 0,5 điểm/1 HSSV*).

Tiêu chí 9.3 (3 điểm): HSSV thực hiện nghiêm túc quy chế thi, kiểm tra trong các kỳ thi (*vi phạm quy chế thi có biên bản xử lý trừ 0,2 điểm/1 HSSV vi phạm*).

Tiêu chí 9.4 (3 điểm): HSSV hoàn thành chương trình khóa học; không có HSSV tự ý bỏ học giữa chừng (*HSSV tự ý bỏ học trừ 0,1 điểm/1HSSV*).

Điều 13. Tiêu chuẩn 10: Các nội dung khuyến khích đạt được (tối đa 10 điểm)

Tiêu chí 10.1 (4 điểm): Có sáng kiến hoặc cải tiến trong công tác HSSV được Hội đồng thi đua khen thưởng của Nhà trường công nhận hoặc

có thành tích nổi bật về công tác HSSV được cơ quan có thẩm quyền ghi nhận, khen thưởng.

Tiêu chí 10.2 (4 điểm): Có đội tuyển của khoa đạt giải, thứ hạng nhất, nhì, ba trong các cuộc thi văn nghệ, thể thao, nghiệp vụ, nghiên cứu khoa học, olympic các môn khoa học: cấp khu vực, toàn quốc và quốc tế cộng 3 điểm; cấp trường cộng 2 điểm.

Tiêu chí 10.3 (2 điểm): Có HSSV được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam (cộng 0,25 điểm/HSSV).

Chương III

TỰ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CÔNG TÁC HỌC SINH, SINH VIÊN THEO CÁC TIÊU CHUẨN

Điều 14. Phương pháp tự đánh giá, xếp loại công tác HSSV

1. Các khoa thực hiện việc tự đánh giá công tác HSSV thông qua việc đánh giá và chấm điểm từng nội dung trong mỗi tiêu chí của tiêu chuẩn.

2. Việc chấm điểm từng tiêu chí được thực hiện trên cơ sở xem xét các minh chứng liên quan, kết quả đạt được của từng nội dung công tác (thực hiện theo Phụ lục kèm văn bản này).

3. Nội dung và tổng điểm của các tiêu chuẩn quy định tại Chương II của văn bản này cụ thể như sau:

a) Từ tiêu chuẩn 1 đến tiêu chuẩn 9 (có 36 tiêu chí) là những nội dung buộc phải thực hiện về công tác HSSV có tổng điểm là 100 điểm.

b) Tiêu chuẩn 10 (có 4 tiêu chí) là những nội dung khuyến khích đạt được có tổng điểm là 10 điểm.

4. Căn cứ vào tổng số điểm đạt được để xếp loại công tác HSSV như sau:

- Loại xuất sắc: có tổng điểm từ 90 đến 100 điểm.
- Loại tốt: có tổng điểm từ 80 đến 89 điểm.
- Loại khá: có tổng điểm từ 70 đến 79 điểm.
- Loại trung bình: có tổng điểm từ 50 đến 69 điểm.
- Loại yếu: tổng điểm dưới 50 điểm.

Điều 15. Quy trình tự đánh giá, xếp loại công tác HSSV

Việc tự đánh giá, xếp loại công tác HSSV của các khoa được thực hiện theo các bước sau:

1. Thành lập Ban đánh giá công tác HSSV ở khoa gồm:

Trưởng ban: Trưởng khoa;

Phó ban trực: Phó Trưởng khoa;

Thư ký: Trợ lý quản lý HSSV;

Các thành viên: Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo, Bí thư Liên chi đoàn.

2. Ban đánh giá công tác HSSV ở khoa có nhiệm vụ:

2.1. Lập hồ sơ minh chứng cho các tiêu chí trong các tiêu chuẩn.

2.2. Tiến hành tự đánh giá công tác HSSV của khoa theo các tiêu chuẩn, tiêu chí và ghi kết quả vào phiếu tự đánh giá.

2.3. Tổng hợp kết quả theo Phiếu tự đánh giá và xếp loại công tác HSSV.

3. Công bố kết quả tự đánh giá và xếp loại công tác HSSV của khoa trước tập thể cán bộ và HSSV trong đơn vị.

Điều 16. Thời điểm tự đánh giá, hồ sơ đánh giá và thời hạn nộp hồ sơ

1. Việc tự đánh giá và xếp loại công tác HSSV của các khoa được tiến hành khi kết thúc năm học.

2. Hồ sơ tự đánh giá và xếp loại công tác HSSV nộp về trường gồm:

2.1. Quyết định thành lập Ban đánh giá và xếp loại công tác HSSV cấp khoa;

2.2. Biên bản họp Ban đánh giá công tác HSSV

2.3. Phiếu tự đánh giá và xếp loại công tác HSSV;

3. Hồ sơ minh chứng cho các tiêu chí trong các tiêu chuẩn (hồ sơ này được đóng thành tập, sắp xếp theo thứ tự trong phiếu đánh giá và lưu tại khoa để Ban đánh giá Trường kiểm tra).

4. Các khoa nộp hồ sơ tự đánh giá, xếp loại công tác HSSV cho Nhà trường (qua Phòng Công tác HSSV) trước ngày 15 tháng 6 hằng năm.

Điều 17. Sử dụng kết quả tự đánh giá, xếp loại

1. Kết quả tự đánh giá, xếp loại công tác HSSV thể hiện một phần năng lực và chất lượng đào tạo của các khoa, được thông báo công khai trên Website của Nhà trường.

2. Kết quả tự đánh giá, xếp loại công tác HSSV là căn cứ để các khoa đề nghị Nhà trường xét khen thưởng công tác HSSV và được sử dụng để tham khảo trong công tác kiểm định chất lượng giáo dục.

3. Kết quả tự đánh giá, xếp loại công tác HSSV là một trong những cơ sở để Hội đồng thi đua Nhà trường xét, xếp loại thi đua năm học cho tập thể, cá nhân ở các khoa đào tạo.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Các phòng chức năng và Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên

1. Phòng Công tác HSSV chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan để chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các khoa thực hiện việc tự đánh giá, xếp loại công tác HSSV.

2. Các đơn vị có liên quan cung cấp các số liệu cho Nhà trường (qua Phòng Công tác HSSV) trước ngày 15 tháng 6 hằng năm để Nhà trường tiến hành đánh giá công tác HSSV cấp trường.

Điều 19. Các khoa đào tạo

1. Tổ chức, thực hiện việc tự đánh giá, xếp loại công tác HSSV của khoa và báo cáo kết quả theo quy định.

2. Phối hợp với các đơn vị trong trường để được chỉ đạo, hướng dẫn về việc tổ chức các hoạt động liên quan đến đánh giá công tác HSSV.

3. Căn cứ vào tình hình cụ thể để xây dựng chương trình, kế hoạch và đề xuất với Nhà trường tăng cường công tác HSSV theo các tiêu chuẩn đánh giá.

Quy định này được thực hiện từ năm học 2016-2017. *γ*

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đình Thọ

PGS.TS. Nguyễn Đình Thọ

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CÔNG TÁC HSSV

Năm học: 20.....-20.....

TT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Hồ sơ minh chứng kèm theo
	Tiêu chuẩn 1: Hệ thống tổ chức, quản lý và công tác hành chính (tối đa 10 điểm)			
1	Có hệ thống tổ chức, quản lý và phân công nhiệm vụ cụ thể để thực hiện tốt công tác HSSV của khoa gồm: Trưởng hoặc Phó Trưởng khoa phụ trách, Trợ lý quản lý HSSV, Ban cán sự lớp (<i>thiếu 1 nội dung trừ 1 điểm</i>).	2,0		- Bảng phân công nhiệm vụ của Ban chủ nhiệm Khoa; - Quyết định bổ nhiệm Trợ lý quản lý HSSV; - Danh sách Ban cán sự các lớp.
2	Lập sổ ghi chép và lưu trữ các văn bản, hồ sơ về công tác HSSV theo quy định của Nhà trường đầy đủ, khoa học; ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác quản lý hồ sơ HSSV (<i>thiếu 1 loại hồ sơ trừ 1 điểm; hồ sơ không đầy đủ trừ 0,5 điểm/loại</i>).	3,0		- Danh mục các văn bản về công tác HSSV kèm theo văn bản lưu trữ; - Sổ theo dõi biến động của HSSV (<i>nghỉ học, thôi học, vào học, buộc thôi học, kỷ luật, chuyển trường đi, đến...</i>).
3	Trợ lý quản lý HSSV có phẩm chất đạo đức, nhiệt tình, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao (<i>không có bản nhận xét trừ 1 điểm</i>); tham dự các cuộc họp đầy đủ, đúng giờ (<i>vắng họp trừ 1 điểm/lần, chậm quá 15 phút trừ 0,5 điểm/lần</i>).	2,0		Bản tự đánh giá của Trợ lý quản lý HSSV, có nhận xét của Trưởng khoa (<i>cuối năm học</i>).
4	Các công việc hành chính có liên quan đến HSSV được giải quyết kịp thời, đúng quy định; thống kê, báo cáo đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn (<i>không thực hiện trừ 1 điểm/lần; thực hiện chậm trừ 0,5 điểm/lần</i>).	3,0		- Sổ theo dõi giải quyết các giấy tờ của HSSV; Quy trình hướng dẫn thủ tục hành chính đối với HSSV được niêm yết tại khoa; - Các báo cáo, thống kê theo quy định của Trường (<i>1 bản lưu tại khoa, 1 bản gửi phòng CTHSSV</i>).

	Tiêu chuẩn 2: Công tác quản lý HSSV (tối đa 12 điểm)			
5	Duy trì họp giao ban hàng tháng giữa Khoa và Lớp trưởng các lớp HSSV và có biên bản lưu trữ tại khoa (không tổ chức trừ 1 điểm/lần).	4,0		- Sổ ghi biên bản họp giao ban hàng tháng (10 tháng/năm); - Lên lịch họp giao ban trên lịch tuần của Khoa.
6	Thực hiện quy định sinh hoạt lớp hành chính HSSV hàng tháng và có phân công cán bộ của khoa cùng tham dự (Lớp không sinh hoạt trừ 01 điểm/lớp/lần).	4,0		- Biên bản sinh hoạt các lớp hàng tháng; - Báo cáo sinh hoạt lớp hàng tháng.
7	Thực hiện việc kiểm tra, quản lý HSSV, Lưu học sinh Lào nội trú, ngoại trú và báo cáo tình hình theo Quy định của Nhà trường (không kiểm tra, báo cáo trừ 1 điểm/lần).	4,0		Sổ theo dõi nội trú, ngoại trú.
	Tiêu chuẩn 3: Công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV (tối đa 12 điểm)			
8	Tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị, các buổi sinh hoạt ngoại khóa theo yêu cầu và hướng dẫn của Nhà trường (không tổ chức trừ 1 điểm/lần; lớp không thực hiện trừ 1 điểm/lớp; HSSV không tham gia trừ 1 điểm/1% HSSV).	2,0		Kế hoạch, chương trình tổ chức hoặc báo cáo (kèm theo danh sách tập thể và cá nhân HSSV có mặt, vắng mặt các đợt sinh hoạt).
9	HSSV làm bài thu hoạch “Tuần sinh hoạt công dân – HSSV” đầy đủ, đúng thời gian quy định và đạt yêu cầu (không tham gia hoặc không làm bài thu hoạch trừ 1 điểm/1% HSSV).	3,0		Danh sách kết quả làm bài thu hoạch “Tuần sinh hoạt công dân – HSSV” của HSSV.
10	HSSV có thẻ sinh viên đầy đủ và sử dụng đúng quy định (nếu vi phạm trừ 1 điểm/1HSSV vi phạm); HSSV thực hiện tốt nền nếp học tập, rèn luyện, nếp sống văn hóa (nếu vi phạm trừ 0,1 điểm/1 HSSV vi phạm).	3,0		- Danh sách HSSV nhận thẻ sinh viên; Sổ ghi chép kiểm tra thẻ sinh viên của HSSV hàng tháng. - Danh sách HSSV vi phạm nề nếp học tập, nếp sống văn hóa và kết quả xử lý của Khoa.

11	Thực hiện việc đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV theo đúng quy trình, có đầy đủ hồ sơ theo quy định, tỷ lệ các loại đánh giá phản ánh đúng kết quả hoạt động của lớp, của khoa (<i>thực hiện không đúng quy trình, quy định hoặc để xảy ra sai sót, khiếu kiện trừ 1 điểm/lần</i>).	4,0		- Văn bản hướng dẫn đánh giá kết quả rèn luyện; - Phiếu đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV; - Biên bản họp lớp về đánh giá kết quả rèn luyện; - Biên bản họp HĐ Khoa xét kết quả rèn luyện; - Bảng tổng hợp kết quả rèn luyện HSSV của Khoa; - Kết quả rèn luyện của HSSV sau khi có quyết định của Trường.
Tiêu chuẩn 4: Thực hiện chế độ, chính sách và công tác y tế trường học đối với HSSV (tối đa 10 điểm)				
12	Phổ biến và hướng dẫn thực hiện đầy đủ, chính xác, kịp thời các chế độ, chính sách đối với HSSV (<i>không phổ biến trừ 1 điểm/lần; thực hiện chậm trừ 1 điểm/lần; để xảy ra sai sót, khiếu kiện trừ 1 điểm/lần</i>).	3,0		- Biên bản họp phổ biến, hướng dẫn các lớp thực hiện chế độ chính sách đối với HSSV; - Danh mục văn bản chế độ chính sách đã phổ biến, quán triệt và hướng dẫn.
13	Thực hiện các chế độ chính sách: xét học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ, trợ cấp xã hội, hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm học phí... cho HSSV theo đúng đối tượng, đúng chế độ chính sách, đúng thời gian (<i>thực hiện chậm trừ 1 điểm/1 loại chế độ; để xảy ra sai sót, khiếu kiện trừ 1 điểm/lần</i>).	3,0		- Biên bản họp Hội đồng khoa xét các chế độ chính sách đối với HSSV; - Quyết định và danh sách HSSV được hưởng các chế độ.
14	HSSV thực hiện nghĩa vụ đóng bảo hiểm y tế hàng năm (<i>HSSV không tham gia BHYT trừ 0,1 điểm/1HSSV</i>).	2,0		Danh sách HSSV đóng BHYT và chưa đóng BHYT (theo lớp).
15	HSSV khám sức khỏe định kỳ theo kế hoạch của Nhà trường (<i>HSSV không khám sức khỏe theo quy định trừ 0,5 điểm/1 HSSV</i>).	2,0		Danh sách HSSV không tham gia khám sức khỏe (<i>theo thông báo của TT Y tế - Môi trường</i>).

	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT và phong trào HSSV (tối đa 10 điểm)			
16	Mỗi năm tổ chức ít nhất 01 hoạt động văn hóa, văn nghệ cấp khoa; <i>(không tổ chức trừ 1 điểm/lần)</i> .	3,0		Kế hoạch hoặc chương trình tổ chức.
17	Thành lập đội tuyển của khoa tham gia Hội thi văn hóa, văn nghệ cấp Trường hoặc tham gia biểu diễn, giao lưu với các cơ quan, đơn vị khác ngoài trường <i>(không tham gia trừ 1 điểm/lần)</i> .	2,0		- QĐ thành lập đội văn nghệ của Khoa; - Kế hoạch, chương trình giao lưu (nếu có); - Danh mục các chương trình đã tham gia.
18	Mỗi năm tổ chức ít nhất 01 giải thể thao HSSV cấp khoa <i>(không tổ chức trừ 1 điểm /lần)</i> .	3,0		Kế hoạch hoặc chương trình tổ chức.
19	Thành lập đội tuyển tham gia các giải thể thao cấp trường hoặc tham gia giao lưu, thi đấu với các cơ quan, đơn vị ngoài trường <i>(không tham gia trừ 1 điểm/lần)</i> .	2,0		- QĐ thành lập đội văn nghệ của Khoa; - Kế hoạch, chương trình giao lưu (nếu có); - Danh mục các chương trình đã tham gia.
	Tiêu chuẩn 6: Công tác bảo đảm ANTT, ATGT, phòng chống tội phạm và TNXH (tối đa 12 điểm)			
20	Thực hiện tốt công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội theo sự chỉ đạo và kế hoạch của Nhà trường <i>(không thực hiện trừ 1 điểm/lần)</i> .	4,0		- Kế hoạch triển khai và chương trình thực hiện <i>(nếu có)</i>; - Danh sách HSSV tham gia các chương trình của Nhà trường.
21	Tham gia đầy đủ các chương trình tổ chức giáo dục pháp luật, giáo dục an toàn giao thông, phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội cho HSSV do Nhà trường tổ chức <i>(không tham gia trừ 1 điểm/lần)</i> .	4,0		- Danh mục các chương trình, số lượng sinh viên và quản lý tham gia.
22	Tổ chức để HSSV ký cam kết không vi phạm pháp luật về an toàn giao thông, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội <i>(tổ chức chậm trừ 1 điểm; HSSV không cam kết trừ 0,25 điểm/HSSV)</i> .	4,0		- Văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện; - Bản cam kết của HSSV và báo cáo kết quả thực hiện kèm theo danh sách HSSV chưa ký cam kết <i>(bản lưu tại khoa)</i>.

	Tiêu chuẩn 7: Công tác hướng nghiệp, tư vấn việc làm và các hoạt động hỗ trợ, dịch vụ đối với HSSV (tối đa 10 điểm)			
23	Tham gia đầy đủ các chương trình của Nhà trường tổ chức hướng nghiệp, tư vấn việc làm cho HSSV. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị sử dụng lao động để tổ chức các hoạt động giao lưu, tư vấn, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho HSSV (không tham gia trừ 1 điểm/lần).	3,0		- Văn bản tổ chức hoặc phối hợp tổ chức; - Danh mục các hoạt động tổ chức; - Danh mục các hoạt động tham gia, số lượng sinh viên và quản lý tham gia.
24	Xây dựng kế hoạch, lập danh sách và tổ chức hoạt động cụ thể để giúp đỡ những HSSV có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Phối hợp với các cơ quan, doanh nghiệp, cá nhân để khai thác các nguồn học bổng tài trợ và các hình thức hỗ trợ khác cho HSSV (Không có chương trình hỗ trợ HSSV trừ 2 điểm).	3,0		- Kế hoạch hoặc chương trình tổ chức các hoạt động hỗ trợ; - Danh sách HSSV có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; - Danh mục, danh sách những HSSV đã được hỗ trợ.
25	Lập hồ sơ theo dõi tình hình việc làm của HSSV sau khi tốt nghiệp (không theo dõi trừ 3 điểm; theo dõi đạt mức dưới 50% trừ 2 điểm).	4,0		- Danh sách việc làm của HSSV sau khi tốt nghiệp ra trường (theo khóa, ngành học).
	Tiêu chuẩn 8: Công tác thi đua, khen thưởng đối với HSSV (tối đa 12 điểm)			
26	Tổ chức đăng ký thi đua và triển khai các phong trào thi đua đối với tập thể, cá nhân HSSV; có quy định đánh giá thi đua giữa các lớp HSSV và xếp loại sau mỗi học kỳ, năm học (không có quy định trừ 1 điểm; không đánh giá, xếp loại trừ 1 điểm/lần).	4,0		- Sổ ghi biên bản đăng ký thi đua và xét khen thưởng HSSV; - Quy định đánh giá thi đua khen thưởng giữa các lớp HSSV; - Bảng tổng hợp kết quả xếp loại học kỳ, năm học đối với các lớp HSSV.
27	Tập thể, cá nhân HSSV được tặng giấy khen, bằng khen cấp phường, xã trở lên vì có thành tích trong các hoạt động ngoại trú: cộng 1 điểm/tập thể; cộng 0,5 điểm/cá nhân. HSSV được Hiệu trưởng Nhà trường khen thưởng vì có thành tích đặc biệt trong công tác HSSV: cộng 1 điểm/HSSV.	4,0		Quyết định công nhận hoặc giấy khen, bằng khen (bản sao).

28	Tham gia các hoạt động do Đoàn trường tổ chức và được BCH Đoàn trường xếp loại thi đua của LCD trong năm học: <i>Loại xuất sắc: cộng 4,0 điểm; Loại tốt: cộng 3,0 điểm; Loại khá: cộng 2,0 điểm; Loại trung bình: cộng 1,0 điểm.</i>	4,0		Bản xếp loại thi đua năm học của BCH Đoàn trường.
	Tiêu chuẩn 9: Công tác xử lý vi phạm kỷ luật đối với HSSV (tối đa 12 điểm)			
29	Tập thể, cá nhân HSSV chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Pháp luật và các nội quy, quy định về học tập, rèn luyện, sinh hoạt (<i>nếu vi phạm bị kỷ luật có quyết định của Nhà trường: đối với tập thể trừ 1 điểm/1 tập thể; đối với cá nhân: trừ 0,5 điểm/1 HSSV</i>).	3,0		- Sổ ghi chép theo dõi HSSV vi phạm kỷ luật; - Hồ sơ, danh sách HSSV, quyết định xử lý kỷ luật đối với HSSV (<i>được lưu tại khoa</i>).
30	HSSV thực hiện nghiêm túc sự điều động của Nhà trường (<i>không thực hiện trừ 1 điểm/01 HSSV</i>).	3,0		Danh sách HSSV được Nhà trường điều động (<i>có ghi chú những HSSV không thực hiện</i>).
31	HSSV thực hiện nghiêm túc quy chế thi, kiểm tra trong các kỳ thi (<i>vi phạm quy chế thi có biên bản xử lý trừ 0,2 điểm/1 HSSV vi phạm</i>).	3,0		Danh sách HSSV vi phạm quy chế thi.
32	HSSV hoàn thành chương trình khóa học; không có HSSV tự ý bỏ học giữa chừng (<i>HSSV tự ý bỏ học trừ 0,1 điểm/1HSSV</i>)	3,0		Hồ sơ, danh sách, quyết định HSSV thuộc diện xóa tên, thôi học (<i>bản lưu tại khoa</i>).
	Cộng	100		
	Tiêu chuẩn 10: Các nội dung khuyến khích đạt được (tối đa 10 điểm)			
33	Có sáng kiến hoặc cải tiến trong công tác HSSV được Hội đồng thi đua khen thưởng của Nhà trường công nhận hoặc có thành tích nổi bật về công tác HSSV được cơ quan có thẩm quyền ghi nhận, khen thưởng.	4,0		Quyết định hoặc giấy khen, bằng khen (bản sao) hoặc giấy xác nhận.

34	Có đội tuyển của khoa đạt giải, thứ hạng nhất, nhì, ba trong các cuộc thi văn nghệ, thể thao, nghiệp vụ, nghiên cứu khoa học, olympic các môn khoa học: cấp khu vực, toàn quốc và quốc tế cộng 3 điểm; cấp trường cộng 2 điểm.	4,0		Quyết định hoặc giấy khen, bằng khen (bản sao).
35	Có HSSV được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam (cộng 0,25 điểm/HSSV)	2,0		- Quyết định (bản sao); - Danh sách đảng viên là HSSV.

Xếp loại:

- Loại xuất sắc: tổng điểm từ 90 điểm đến 100 điểm.
- Loại tốt: tổng điểm từ 80 điểm đến 89 điểm.
- Loại khá: tổng điểm từ 70 điểm đến 79 điểm.
- Loại trung bình: tổng điểm từ 50 điểm đến 59 điểm.
- Loại yếu: tổng điểm dưới 50 điểm.

Kết luận:

- Tổng điểm đạt được: điểm
- Xếp loại:

Hà Tĩnh, ngày tháng năm
T/M HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ CỦA KHOA
CHỦ TỊCH **THƯ KÝ**